

Số: 835/QĐ-HV

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng học viện Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-HV ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học chính quy;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-HV ngày 15/03/2023 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc phê duyệt Đề án tuyển sinh đại học chính quy năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2023 của Học viện như sau:

1. Mục 1.4 trong Mục II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY của Đề án tuyển sinh được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1.4 Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành, theo từng phương thức xét tuyển

Tổng chỉ tiêu là **4.345**, trong đó chỉ tiêu tuyển sinh của 02 Cơ sở đào tạo như sau:

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (Mã trường: BVH)

Địa chỉ: Km10 Đường Nguyễn Trãi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội ✓

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổ hợp xét tuyển
				XT dựa vào KQ thi TN THPT	Xét tuyển kết hợp	XT dựa vào KQ ĐGNL, ĐGTD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	100	165	85	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01).
3	Đại học	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	95	80	45	
2	Đại học	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	60	-	-	
4	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	355	250	125	
5	Đại học	7480202	An toàn thông tin	140	75	45	
6	Đại học	7480101	Khoa học máy tính (<i>định hướng Khoa học dữ liệu</i>)	70	40	20	
7	Đại học	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (CT Kỹ thuật dữ liệu)	80	-	-	
8	Đại học	7480201_UDU	Cử nhân Công nghệ thông tin (<i>định hướng ứng dụng</i>)	180	-	-	
9	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	120	65	35	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01).
10	Đại học	7320104	Truyền thông đa phương tiện	70	40	20	
11	Đại học	7320101	Báo chí	35	20	10	
12	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	115	65	30	
13	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	70	40	20	
14	Đại học	7340115	Marketing	150	80	40	
15	Đại học	7340301	Kế toán	100	55	25	
16	Đại học	7340205	Công nghệ tài chính (Fintech)	65	35	20	
Tổng cộng				1.805	1.010	520	
Chương trình Chất lượng cao trình độ đại học							
1.	Đại học	7480201_CLC	Công nghệ thông tin	100			
2.	Đại học		Công nghệ thông tin (theo TT23)	200			<i>Xét tuyển sau khi nhập học</i>

CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (Mã trường: BVS)

Địa chỉ: Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổ hợp xét tuyển
				XT dựa vào KQ thi TN THPT	Xét tuyển kết hợp	XT dựa vào KQ ĐGNL, ĐGTD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)			Tổng hợp xét tuyển
				XT dựa vào KQ thi TN THPT	Xét tuyển kết hợp	XT dựa vào KQ ĐGNL, ĐGTD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại học	7520207	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	50	25	15	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01).
2	Đại học	7510301	Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử	50	25	15	
3	Đại học	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa	45	25	15	
4	Đại học	7520208	Công nghệ Internet vạn vật	40	20	15	
5	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	110	60	30	
6	Đại học	7480202	An toàn thông tin	40	20	10	
7	Đại học	7329001	Công nghệ đa phương tiện	55	30	15	Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01); Toán, Văn, Anh (mã D01).
8	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	30	15	5	
9	Đại học	7340115	Marketing	45	25	10	
10	Đại học	7340301	Kế toán	40	20	10	
Tổng cộng				505	265	140	
Chương trình Chất lượng cao							
	Đại học		Công nghệ thông tin (theo TT23)		50		<i>Xét tuyển sau khi nhập học</i>

2. Mục 1.10 trong Mục II TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1.10 Học phí dự kiến với sinh viên chính quy, lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Học phí trình độ đại hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2023-2024: trung bình từ khoảng 24,5 triệu đồng đến 27,8 triệu đồng/năm tùy theo từng ngành học;
- Học phí chương trình chất lượng cao trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin năm học 2023-2024: trung bình khoảng 42 triệu đồng/năm;
- Học phí chương trình Cử nhân Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng năm học 2023-2024: trung bình khoảng 30,5 triệu đồng/năm.“

3. Bổ sung điểm c) của mục 1.12.1 trong Mục II TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY được bổ sung như sau:

“1.12.1. Chương trình chất lượng cao ngành Công nghệ thông tin

c) Năm 2023, Học viện tuyển sinh 100 chỉ tiêu vào **chương trình chất lượng cao trình độ đại học ngành Công nghệ thông tin (chương trình chất lượng cao do Học viện tự xác định).** ✓

- **Đối tượng tuyển sinh:** Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm: các thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương hoặc đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật và có nhu cầu theo học chương trình chất lượng cao.
- **Phương thức tuyển sinh:**
 - + Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo mã ngành riêng (7480201_CLC) tương tự như xét tuyển các ngành đào tạo đại trà;
 - + Thí sinh có nguyện vọng sẽ đăng ký xét tuyển Chương trình Chất lượng cao ngành CNTT theo mã đăng ký xét tuyển (ĐKXT) là 7480201 _CLC với các tổ hợp xét tuyển là Toán, Lý, Hóa (mã A00); Toán, Lý, Anh (mã A01) trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
 - + Nguyên tắc xét tuyển tương tự như xét tuyển các ngành đào tạo đại trà.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Giám đốc phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Giáo vụ, Tài chính kế toán, Kế hoạch đầu tư, Chính trị và Công tác sinh viên, Quản lý NCKH&HTQT; Trưởng Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng Trung tâm Đào tạo quốc tế, Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2, Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TT&TT (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Chủ tịch HĐHV (để b/c);
- Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT; ĐT(3).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TS. Vũ Tuấn Lâm